

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2021/DS-ST**

Ngày 02-3-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng
giao khoán

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Tuyển, bà Trịnh Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 373, 379, 384, 386/2020/TLST-DS ngày 21/7/2020 và Quyết định nhập vụ án số 10/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng giao khoán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn:

+ Ông Võ Trọng L, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Thôn 16, xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn 16, xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn 16, xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

+ Ông Đặng Văn V, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Thôn 16, xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần cà phê TL; địa chỉ: Km 17, Quốc lộ 26, xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hoàng P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Đình B, sinh năm 1957; địa chỉ: đường D, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Trọng L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ, ông Đặng Văn V trình bày:*

Ngày 25/8/2011, ông L, ông T, bà Đ, ông V có đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên gửi Công ty TNHH một thành viên cà phê Thăng Lợi (Nay là Công ty Cổ phần cà phê TL).

Ngày 27/8/2011 giữa ông L và Công ty đã ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 175/2011/HĐ-GK với nhau, theo hợp đồng thì: Ông L đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối trồng năm 1994 của Công ty có diện tích 10.000m², diện tích bờ lô 1452m². Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 15/1, thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15, địa chỉ thửa đất: thuộc xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 43.525.562 đồng; Giá trị vườn cây còn lại: 26.299.450 đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 10 năm.

Ngày 27/8/2011 giữa ông T và Công ty đã ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 329/2011/HĐ-GK với nhau, theo hợp đồng trên thì: Ông T đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối trồng năm 1988 của Công ty có diện tích 10.080m², diện tích bờ lô 1464m². Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 16, thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15, địa chỉ thửa đất: thuộc xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 44.970.420 đồng; Giá trị vườn cây còn lại: 27.902.954 đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 04 năm, sau đó gia hạn thêm 05 năm.

Ngày 27/8/2011 giữa bà Đ và Công ty đã ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 318/2011/HĐ-GK với nhau, theo hợp đồng thì: Bà Đ đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối trồng năm 1979 của Công ty có diện tích 11.905m², diện tích bờ lô 1729m². Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 16, thửa đất số 83b, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất: thuộc xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 41.996.017 đồng; Giá trị vườn cây còn lại: 25.728.420 đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 04 năm, sau đó gia hạn thêm 05 năm.

Ngày 27/8/2011 giữa ông V và Công ty đã ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 1470/2011/HĐ-GK với nhau, theo hợp đồng thì: Ông V đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối trồng năm 1994 của Công ty có diện tích 13.320m², diện tích bờ lô 1934m². Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 30-4, thửa đất số 18, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất: thuộc xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 68.764.159 đồng; Giá trị vườn cây còn lại: 43.283.347 đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 10 năm.

Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, ông L, ông T, bà Đ, ông V đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì các ông bà phát hiện Công ty có sự gian lận. Cụ thể: Các ông, bà phát hiện Công ty

đã gian lận chi phí nhân công cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là 86.954.753,2đồng (Bình quân một năm Công ty gian lận là 12.422.107,6 đồng/năm); Công ty đã gian lận sản phẩm cà phê quả tươi làm thành cà phê quy nhân cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là 3.038kg cà phê quả tươi, giá tiền: 8.000 đồng/kg, thành tiền là 24.304.000 đồng (Bình quân một năm là 434kg, giá tiền 8.000 đồng/kg, thành tiền là 3.472.000 đồng/năm); Công ty đã gian lận tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng cho diện tích 01ha trong 08 năm (từ năm 2011-2018) mà Công ty không trả phần 51% lẽ ra Công ty phải chịu với số tiền là 7.344.000 đồng (Bình quân một năm là 918.000 đồng/năm). Mặc dù ông T nhận khoán 10.080m², bà Đ nhận khoán 11.905m², ông V nhận khoán 13.320m² nhưng các ông bà đều làm tròn thành 10.000m² (1ha).

Theo đơn khởi kiện thì ông L, ông T, bà Đ, ông V yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả tổng số tiền là 118.602.753,2 đồng/1người. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ông L, ông T, bà Đ, ông V đều xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2đồng, cà phê tươi quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000đồng; tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 01ha (năm 2018) là 918.000 đồng. Tổng cộng là 112.176.753,2 đồng/1người.

Đối với tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 1ha đất giao khoán (từ năm 2011-2017) là 6.426.000 đồng/1người thì ông L, ông T, bà Đ, ông V đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại. Ngoài ra, không có yêu cầu gì thêm.

** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Đình B trình bày:*

Công ty Cổ phần cà phê TL (Trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê TL) thừa nhận là giữa Công ty với ông Võ Trọng L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ và ông Đặng Văn V có ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê với nhau, cụ thể: ông Võ Trọng L với Công ty có ký kết hợp đồng số 175/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011, ông Nguyễn Văn T với Công ty có ký kết hợp đồng số 329/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011, bà Nguyễn Thị Đ với Công ty có ký kết hợp đồng số 318/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011, ông Đặng Văn V với Công ty có ký kết hợp đồng số 1470/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, ông L, ông T, bà Đ, ông V đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng. Tuy nhiên, đến niên vụ thu hoạch cà phê 2018-2019 và 2019-2020 ông L, ông T, bà Đ, ông V đã không thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi cho Công ty theo đúng cam kết trong hợp đồng, là vi phạm hợp đồng nhưng Công ty chưa tiến hành khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện thì Công ty Cổ phần cà phê TL không có ý kiến gì. Còn đối với yêu cầu khởi kiện của ông L, ông T, bà Đ, ông V về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 01ha đất giao khoán (từ năm 2011-2017) là 6.426.000 đồng/1người, Công ty Cổ phần cà phê TL không

chấp nhận, vì: Công đoạn tưới nước là một công đoạn chủ yếu của việc sản xuất kinh doanh cây cà phê, do đó, về công lao động đã được tính vào chi phí sản xuất trên 01ha cà phê. Tại trang 9, 10 của Phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đã ghi rõ các khoản mục trong cấu thành giá thành sản xuất “Tiền khấu hao hồ đập kênh mương là 500.000 đồng/ha/năm, trong đó phần 51% là 255.000 đồng/ha/năm” vào giá thành (Khấu trừ ăn chia sản phẩm). Đồng thời, tại mục 1 Điều 1 của hợp đồng được ký kết giữa các nguyên đơn với Công ty thì “Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê...”. Như vậy, mặc dù trong hợp đồng giao khoán hai bên chỉ đề cập đối với hệ thống hồ đập, kênh mương không đề cập đến việc tưới giếng, nhưng thực chất Công ty đã trả 255.000 đồng/ha/năm là hoàn toàn công bằng giữa người tưới mương và tưới giếng. Mặt khác, theo thông báo số 61/UB-VPUBND ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có nêu: “...việc đào giếng tưới và sử dụng giếng tưới cho vườn cây nhận khoán là của người dân, nhà nước không chi trả”. Do đó, Công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện trên của ông L, ông T, bà Đ, ông V.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Võ Trọng L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ, ông Đặng Văn V tranh luận: Giữ nguyên yêu cầu về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại cho nguyên đơn số tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 01ha đất giao khoán (từ năm 2011-2017), vì: Dựa vào thực tế, vườn cây không thể tưới bằng kênh mương, diện tích vườn cây nhận khoán của các hộ dân cách xa hệ thống kênh mương của Công ty, khi không có nước tưới thì sản lượng cà phê giảm sút.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Đình B tranh luận: Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê TL không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông L, ông T, bà Đ, ông V đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Luật đất đai năm 2003.

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Trọng L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ, ông Đặng Văn V về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại tiền thủy lợi phí về việc tưới giồng nước cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) là 6.426.000 đồng/1người.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Trọng L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ, ông Đặng Văn V về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả số tiền 112.176.753,2 đồng/1người.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Trọng L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ, ông Đặng Văn V thì Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng giao khoán” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê TL có địa chỉ tại xã HD, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và được hai bên thừa nhận, thì thấy: Giữa ông Võ Trọng L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ, ông Đặng Văn V với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê TL (Nay là Công ty Cổ phần cà phê TL) có ký kết hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê với nhau, cụ thể: Ông Võ Trọng L với Công ty có ký kết hợp đồng số 175/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011, ông Nguyễn Văn T với Công ty có ký kết hợp đồng số 329/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011, bà Nguyễn Thị Đ với Công ty có ký kết hợp đồng số 318/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011, ông Đặng Văn V với Công ty có ký kết hợp đồng số 1470/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011.

Qua xem xét các Hợp đồng trên thì thấy: Đây là hợp đồng song vụ có thời hạn, khi thực hiện việc giao kết hợp đồng các bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, về nội dung cũng như hình thức của hợp đồng hai bên đã ký kết không vi phạm pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng giao khoán thì ông L, ông T, bà Đ, ông V đều đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng kể từ ngày ký hợp đồng cho đến hết niên vụ 2017-2018 và các bên không có tranh chấp gì. Do đó, xác định đây là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Trọng L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ, ông Đặng Văn V về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải

trả lại cho các ông bà tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 01ha đất giao khoán (từ năm 2011-2017) là 6.426.000 đồng/1 người. Hội đồng xét xử thấy: Tại Điều 1, 2 của hợp đồng khoán gọn có nêu: “Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê”; “Khi vào vụ tưới nước cho cà phê, Công ty mở nước cho bên B tưới với diện tích tưới nương. Diện tích tưới nương Công ty sẽ thu tiền khấu hao hồ đập kênh nương theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm”. Tại trang 9, 10 Bảng phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đã ghi rõ, trường hợp gia đình tưới nước từ kênh nương của Công ty thì phải trả lại tiền khấu hao kênh nương, thủy lợi cho Công ty phần 49% là 245.000đồng/ha/năm, trong phần tính toán chi phí đầu tư để khấu trừ Công ty đã trả 255.000đồng/ha/năm (Khấu hao kênh nương phần 51%) cho người nhận khoán. Như vậy, căn cứ vào bảng phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phê duyệt và các hợp đồng mà ông L, ông T, bà Đ, ông V đã ký với Công ty thì, khi ký kết hợp đồng hai bên không đề cập đến thủy lợi phí là thuê giếng tưới, các bên chỉ đề cập tới khấu hao hồ đập, kênh nương. Đồng thời, tại Thông báo số 61/UB-VPUBND ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có nêu: “...việc đào giếng tưới và sử dụng giếng tưới cho vườn cây nhận khoán là của người dân, nhà nước không chi trả”. Mặt khác, tại thời điểm ký kết và trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông L, ông T, bà Đ, ông V không có ý kiến gì với Công ty về việc tưới giếng đối với vườn cây nhận khoán. Do đó, căn cứ theo quy định tại các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503 và 506 của Bộ luật dân sự năm 2005 và các Điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003; không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 01ha đất giao khoán (từ năm 2011-2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn ông Võ Trọng L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ, ông Đặng Văn V rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2đồng, cà phê tưới quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000đồng; tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 01ha (năm 2018) là 918.000 đồng. Tổng cộng là 112.176.753,2 đồng/1 người. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông L, ông T, bà Đ và ông V.

Ông Võ Trọng L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ, ông Đặng Văn V được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Võ Trọng L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ, ông Đặng Văn V đối với số tiền 6.426.000 đồng/1 người

không được chấp nhận nên mỗi người phải chịu $6.426.000 \text{ đồng} \times 5\% = 321.300 \text{ đồng}$ (Làm tròn: 321.000 đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Luật đất đai năm 2003.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

Tuyên xử:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Trọng L:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Trọng L về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 01ha đất giao khoán (từ năm 2011-2017) là 6.426.000 đồng (Sáu triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

- Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Trọng L về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2đồng, cà phê tưới quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000đồng; tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 01ha (năm 2018) số tiền 918.000 đồng. Tổng cộng là 112.176.753,2 đồng (Một trăm mười hai triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng).

Ông Võ Trọng L được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 01ha đất giao khoán (từ năm 2011-2017) là 6.426.000 đồng (Sáu triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

- Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2đồng, cà phê tưới quy nhân cho diện

tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000đồng; tiền thủy lợi phí về việc tưới giồng nước cho diện tích 01ha (năm 2018) số tiền 918.000 đồng. Tổng cộng là 112.176.753,2 đồng (Một trăm mười hai triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng).

Ông Nguyễn Văn T được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại tiền thủy lợi phí về việc tưới giồng nước cho diện tích 01ha đất giao khoán (từ năm 2011-2017) là 6.426.000 đồng (Sáu triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

- Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2đồng, cà phê tưới quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000đồng; tiền thủy lợi phí về việc tưới giồng nước cho diện tích 01ha (năm 2018) số tiền 918.000 đồng. Tổng cộng là 112.176.753,2 đồng (Một trăm mười hai triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng).

Bà Nguyễn Thị Đ được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn V:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn V về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại tiền thủy lợi phí về việc tưới giồng nước cho diện tích 01ha đất giao khoán (từ năm 2011-2017) là 6.426.000 đồng (Sáu triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

- Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn V về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2đồng, cà phê tưới quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000đồng; tiền thủy lợi phí về việc tưới giồng nước cho diện tích 01ha (năm 2018) số tiền 918.000 đồng. Tổng cộng là 112.176.753,2 đồng (Một trăm mười hai triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng).

Ông Đặng Văn V được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

- Nguyên đơn ông Võ Trọng L phải chịu 321.000 đồng (Ba trăm hai mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 2.965.000 đồng (Hai triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0014251 ngày 21/7/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Ông Võ Trọng L được nhận lại số tiền 2.644.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu 321.000 đồng (Ba trăm hai mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 2.965.000 đồng

(Hai triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0014253 ngày 21/7/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Ông Nguyễn Văn T được nhận lại số tiền 2.644.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 321.000 đồng (Ba trăm hai mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 2.965.000 đồng (Hai triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0014214 ngày 21/7/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Bà Nguyễn Thị Đ được nhận lại số tiền 2.644.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- Nguyên đơn ông Đặng Văn V phải chịu 321.000 đồng (Ba trăm hai mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 2.965.000 đồng (Hai triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0014213 ngày 21/7/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Ông Đặng Văn V được nhận lại số tiền 2.644.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đình Nam